

Mã đề: 323

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các nhóm và các loại đất chính, hãy cho biết loại đất nào sau đây phân bố nhiều dọc sông Tiền?

- A. Đất feralit trên đá vôi. B. Đất cát biển.
C. Đất feralit trên đá badan. D. Đất phù sa sông.

Câu 42: Phát biểu nào sau đây **không** phải đặc điểm của giới sinh vật trong vùng biển nước ta?

- A. Tiêu biểu cho vùng nhiệt đới. B. Rất giàu về thành phần loài.
C. Chủ yếu là các loài di cư theo mùa. D. Năng suất sinh học cao.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Thái Nguyên. B. Hải Phòng. C. Nam Định. D. Hải Dương.

Câu 44: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?

- A. Ở phía đông thung lũng sông Hồng. B. Địa hình gồm các khối núi, cao nguyên.
C. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam. D. Địa hình gồm bốn cánh cung núi lớn.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp chung, cho biết lãnh thổ Việt Nam được quy hoạch thành bao nhiêu vùng nông nghiệp?

- A. 8 B. 6 C. 7 D. 9

Câu 46: Thiên tai nào sau đây xảy ra bất thường và gây hậu quả rất nghiêm trọng ở miền núi nước ta?

- A. Ngập lụt. B. Lũ quét. C. Động đất. D. Bão.

Câu 47: Nhiệt độ trung bình năm ở nước ta

- A. tăng dần từ Bắc vào Nam. B. tăng giảm không theo quy luật.
C. đồng đều trong cả năm. D. giảm dần từ Bắc vào Nam.

Câu 48: Theo mục đích sử dụng, rừng nước ta được chia thành

- A. rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.
B. rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng thưa.
C. rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng rậm.
D. rừng sản xuất, rừng tre nứa, rừng đặc dụng.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thương mại, hãy cho biết nhóm hàng nào có giá trị xuất khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất nước ta?

- A. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp. B. Công nghiệp nặng và khoáng sản.
C. Nông, lâm sản. D. Nguyên, nhiên, vật liệu.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số nhỏ nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Khánh Hoà. B. Vĩnh Phúc. C. Lai Châu. D. Thái Bình.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp từ 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Cà Mau. B. Đà Nẵng. C. Biên Hòa. D. Cần Thơ.

Câu 52: Biện pháp phòng tránh bão có hiệu quả nhất ở nước ta hiện nay là

- A. củng cố hệ thống đê chắn sóng ven biển.
B. huy động sức người, sức của để chống bão.
C. dự báo chính xác cấp độ và hướng di chuyển.
D. nhanh chóng khắc phục hậu quả của bão.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thuộc tỉnh nào của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Cao Bằng. B. Hà Giang. C. Quảng Ninh. D. Lạng Sơn.

Câu 54: Nước ta có nền nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng chủ yếu do

- A. địa hình đồi núi thấp, giáp biển Đông. B. nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới.
C. chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa. D. hình dáng lãnh thổ hẹp ngang, kéo dài.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết cây công nghiệp nào sau đây được trồng phổ biến ở Đông Nam Bộ?

- A. Cao su. B. Dừa. C. Mía. D. Chè.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Địa chất khoáng sản, cho biết sắt đều có ở hai mỏ nào sau đây?

- A. Vàng Danh, Cẩm Phả. B. Trấn Yên, Quỳ Châu.
C. Vàng Danh, Văn Bàn. D. Trấn Yên, Văn Bàn.

Câu 57: Đặc điểm địa hình nổi bật của đồng bằng Nam Bộ nước ta là

- A. đường bờ biển khúc khuỷu. B. thềm lục địa rộng, nông.
C. phổ biến cồn cát, đầm phá. D. nhiều vũng, vịnh nước sâu.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết lưu lượng nước trung bình của sông Đà Rằng lớn nhất vào tháng nào sau đây?

- A. Tháng 12. B. Tháng 8. C. Tháng 9. D. Tháng 11.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết hồ Phú Ninh thuộc tỉnh nào?

- A. Quảng Ngãi. B. Quảng Nam. C. Gia Lai. D. Kon Tum.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây là cảng biển?

- A. Cảng Kiên Lương. B. Cảng Cần Thơ.
C. Cảng Mỹ Tho. D. Cảng Trà Vinh.

Câu 61: Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA HÀ NỘI (TRẠM HÀ NỘI)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Lượng mưa (mm)	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, NXB thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diễn biến nhiệt độ và lượng mưa các tháng của Hà Nội, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Cột, đường, tròn. B. Cột, miền, tròn.
C. Tròn, miền, kết hợp. D. Đường, kết hợp, cột.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết cặp biểu đồ khí hậu nào dưới đây thể hiện sự đối lập nhau về mùa mưa – mùa khô?

- A. Biểu đồ khí hậu Đồng Hới với biểu đồ khí hậu Đà Nẵng.
B. Biểu đồ khí hậu Hà Nội với biểu đồ khí hậu Tp. Hồ Chí Minh.
C. Biểu đồ khí hậu Đà Lạt với biểu đồ khí hậu Nha Trang.
D. Biểu đồ khí hậu Đà Lạt với biểu đồ khí hậu Tp. Hồ Chí Minh.

Câu 63: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thực vật và động vật, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về thực vật, động vật ở nước ta?

- A. Vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai.
B. Thảm thực vật rừng kín thường xanh phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi.
C. Bái Tử Long, Côn Đảo, Phú Quốc là các vườn quốc gia nằm trên đảo.
D. Vườn quốc gia Hoàng Liên thuộc phân khu địa lí động vật Đông Bắc.

Câu 64: Ở ven bờ biển nước ta, độ muối của nước biển thay đổi theo mùa chủ yếu do

- A. Chế độ mưa phân hoá, hoạt động của các hải lưu.
B. Chế độ nước sông và hoạt động của các khối khí.
C. Thềm lục địa thay đổi độ sâu và gió mùa hoạt động.
D. Thay đổi địa hình ven bờ và mạng lưới sông ngòi.

Câu 65: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí của một số đơn vị hành chính nước ta?

- A. Thành phố Hồ Chí Minh giáp biển Đông. B. Cà Mau là tỉnh nằm xa nhất về phía nam.
C. Điện Biên nằm ở phía tây kinh tuyến 105 $^{\circ}$ Đ. D. Hải Dương nằm ở phía nam vĩ tuyến 20 $^{\circ}$ B.

Câu 66: Phát biểu nào sau đây đúng với ảnh hưởng của biển Đông đến thiên nhiên nước ta?

- A. Tạo ra nhiều dạng địa hình mài mòn.
- B. Bồi đắp nên các đồng bằng châu thổ.
- C. Hình thành vành đai ôn đới gió mùa.
- D. Làm cho khí hậu mang tính lục địa.

Câu 67: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết lát cắt địa hình A-B ở miền Nam Trung Bộ và Nam bộ chạy theo hướng nào sau đây?

- A. Tây – tây bắc.
- B. Đông – đông nam.
- C. Tây nam - đông bắc.
- D. Tây bắc - đông nam.

Câu 68: Vùng đồi núi phía Bắc nước ta có một mùa ít mưa chủ yếu do tác động của

- A. gió Tây khô nóng, gió mùa Đông Bắc lạnh khô, hoạt động dải hội tụ.
- B. Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông.
- C. Tín phong bán cầu Bắc, dải hội tụ nhiệt đới, vị trí gần chí tuyến Bắc.
- D. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông, các dãy núi cao chắn gió.

Câu 69: Tài nguyên đất ở vùng đồi núi nước ta dễ bị suy thoái là do:

- A. lớp phủ thực vật mỏng, mùa khô kéo dài, nhiệt độ cao.
- B. địa hình dốc, mưa lớn tập trung, mất lớp phủ thực vật.
- C. mưa theo mùa, địa hình đồi thấp, lớp vỏ phong hóa dày.
- D. canh tác không hợp lí, địa hình núi cao, lượng mưa ít.

Câu 70: Nguyên nhân chủ yếu gây khô hạn kéo dài ở Lục Ngạn (Bắc Giang) là do

- A. tác động của gió phơn tây nam.
- B. tác động mạnh của Tín Phong.
- C. nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn.
- D. địa hình thung lũng khuất gió.

Câu 71: Sinh vật cận nhiệt và ôn đới ở phần lãnh thổ phía Bắc đa dạng hơn phần lãnh thổ phía Nam nước ta chủ yếu do

- A. vị trí nằm gần chí tuyến Bắc, gió mùa Đông Bắc, có đầy đủ ba đai cao.
- B. vị trí ở xa xích đạo, gió Tín phong bán cầu Bắc, tiếp giáp Biển Đông.
- C. nằm ở vùng nội chí tuyến, gió mùa Tây Nam, hướng và độ cao địa hình.
- D. nằm ở gần vùng ngoại chí tuyến, gió hướng tây nam, lãnh thổ rộng lớn.

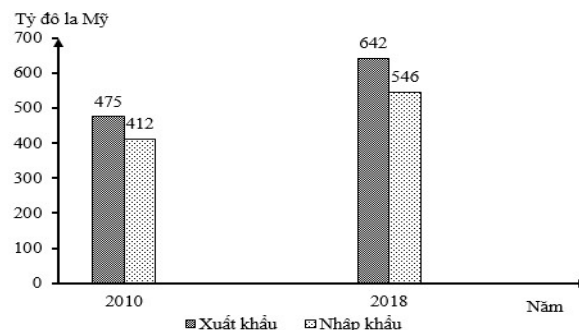
Câu 72: Đặc điểm nào sau đây của địa hình nước ta tạo thuận lợi chủ yếu cho phát triển thủy điện?

- A. Biểu hiện nhiệt đới ẩm gió mùa, bị cắt xẻ nhiều.
- B. Hướng núi chính tây bắc - đông nam, vòng cung.
- C. Cấu trúc cổ được trẻ lại, phân bậc rõ theo độ cao.
- D. Đồi núi thấp và đồng bằng chiếm nhiều diện tích.

Câu 73: Ảnh hưởng của vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ đến đặc điểm sông ngòi nước ta là

- A. ngắn dốc, chủ yếu hướng tây bắc - đông nam và vòng cung.
- B. phần lớn sông nhỏ, nhiều nước, chế độ nước theo mùa.
- C. nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước thay đổi theo mùa.
- D. có độ dốc lớn, thủy chế theo mùa, diễn biến thất thường.

Câu 74: Cho biểu đồ:



QUY MÔ GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA XIN-GA-PO NĂM 2010 VÀ 2018

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po?

- A. Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.
- B. Năm 2010 xuất siêu, 2018 thì nhập siêu.
- C. Tỷ trọng xuất khẩu năm 2018 là 56,0%.
- D. Nhập khẩu tăng ít hơn xuất khẩu.

Câu 75: Cho bảng số liệu:

**TỔNG SỐ DÂN, SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ THÁI LAN
NĂM 2000 VÀ NĂM 2020**

(Đơn vị: Triệu người)

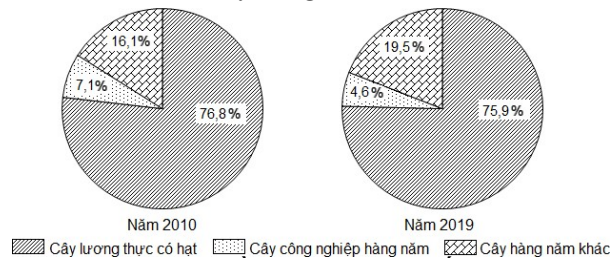
Năm	In-đô-nê-xi-a		Thái Lan	
	Tổng số dân	Số dân thành thị	Tổng số dân	Số dân thành thị
2000	211,5	88,6	62,9	19,8
2020	273,5	154,2	69,8	35,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tỉ lệ dân thành thị của In-đô-nê-xi-a và Thái Lan?

- A.** In-đô-nê-xi-a và Thái Lan đều giảm. **B.** Thái Lan thấp hơn và tăng chậm hơn.
C. Thái Lan thấp hơn và tăng nhanh hơn. **D.** In-đô-nê-xi-a thấp hơn và tăng nhanh hơn.

Câu 76: Cho biểu đồ về diện tích các loại cây hàng năm của nước ta năm 2010 và năm 2019



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A.** Quy mô và tốc độ tăng cơ cấu diện tích. **B.** Sự tăng trưởng và thay đổi quy mô diện tích.
C. Chuyên dịch và tốc độ tăng cơ cấu diện tích. **D.** Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu diện tích.

Câu 77: Biện pháp có ý nghĩa hàng đầu để bảo vệ sự đa dạng sinh học của nước ta là

- A.** giao đất, giao rừng cho người dân tránh tình trạng du canh du cư.
B. duy trì, phát triển diện tích và chất lượng rừng.
C. thực hiện dự án trồng một tỉ cây xanh theo kế hoạch.
D. xây dựng hệ thống vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.

Câu 78: Vùng núi Tây Bắc có độ cao địa hình lớn hơn vùng núi Đông Bắc chủ yếu do tác động của

- A.** ngoại lực bào mòn mạnh, các mảng nền cổ, vận động kiến tạo hạ thấp yếu.
B. vị trí địa lí, cường độ nâng trong vận động Tân kiến tạo, các mảng nền cổ.
C. quá trình ngoại lực xâm thực mạnh, hướng địa hình, tác động của nội lực.
D. cao nguyên đá đồ sộ, vận động nâng lên mạnh, cường độ phong hoá mạnh.

Câu 79: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có biên độ nhiệt độ năm lớn chủ yếu do tác động của

- A.** thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí gần vùng ngoại chí tuyến.
B. vị trí xa xích đạo, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, địa hình đa dạng.
C. địa hình có các núi thấp, gió mùa, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
D. gió tây nam, Tín phong bán cầu Bắc, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.

Câu 80: Thời tiết khô nóng gay gắt ở Bắc Trung Bộ vào đầu mùa hạ chủ yếu do tác động kết hợp của những yếu tố

- A.** gió, địa hình, đặc điểm bề mặt đệm. **B.** gió và hướng núi, ảnh hưởng của biển.
C. hướng nghiêng địa hình, gió mùa, biển. **D.** hình dạng lãnh thổ, gió, hướng núi.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXBGD Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.